

Số: /TB-BV

Hà Giang, ngày tháng năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc mời đơn vị tham gia tư vấn: Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Công văn số 195/SYT-NVD ngày 07/02/2023 của Sở Y tế Hà Giang về việc cho chủ trương thực hiện đấu thầu mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế 06 tháng đầu năm 2023;

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang thông báo đến các đơn vị tư vấn có năng lực tham gia gói thầu Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu thuộc dự án mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế 06 tháng đầu năm 2023 (Có danh mục chi tiết kèm theo).

Tổng dự án gói thầu mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế 06 tháng đầu năm 2023 là 11.401.073.220đ (Số tiền bằng chữ: Mười một tỷ bốn trăm linh một triệu không trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm hai mươi đồng).

TT	Nội dung công việc	Khối lượng
01	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu các gói thầu thuộc dự án mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế 06 tháng đầu năm 2023	01gói
02	Thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu thuộc dự án mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế 06 tháng đầu năm 2023	01 gói

Khi nhận được Thông báo này, các đơn vị tư vấn có nhu cầu tham gia đề nghị gửi 01 bộ hồ sơ về Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang Tổ 10 Phường Minh

Khai – Thành phố Hà Giang – Tỉnh Hà Giang trước 10h00 ngày 28/03/2023 để tổ chức lựa chọn tư vấn theo quy định. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị tham gia tư vấn;
- Hồ sơ năng lực của đơn vị có kèm theo các nội dung sau:
 - + Văn bản chứng minh có chức năng trong công tác Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu.
 - + Các hợp đồng tương tự đã ký kết trong thời gian qua (02 năm gần nhất).
 - + Một số thông tin khác có liên quan.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quốc Dũng

GÓI THẦU SỐ 04: MUA HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM VÀ SINH PHẨM Y TẾ

(Kèm theo Thông báo số /TB-BV ngày tháng 03 năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang)

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm theo TT 14/ 2020	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ferritin ; dải đo: 8-450 µg/L ; phương pháp: Immunoturbidimetric. Thành phần: Glycine buffer (R1: pH 8.3, R2: pH 7.3) 170 mmol/L; Tiểu phân Latex phủ kháng thể thô kháng ferritin người. Hộp 4x24ml+4x12ml	3	Hộp	3
2	Chất hiệu chuẩn mức thấp xét nghiệm định lượng Na, K, Cl	Chất chuẩn huyết thanh mức thấp cho xét nghiệm điện giải. Thành phần bao gồm: Na ⁺ 130 mmol/L; K ⁺ 3.5 mmol/L; Cl ⁻ 85 mmol/L. Hộp 4x100ml	3	Hộp	4
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol; dải đo: 0.26-10.3 mmol/L; phương pháp: Enzymatic colour. Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; 4-aminoantipyrine 0,8 mmol/L. Hộp 4x51.3ml + 4x17.1ml	3	Hộp	4
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng thyroglobulin	- Phạm vi phân tích: 0,1–500 ng/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym một bước đồng thời (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ streptavidin, được huyền phù trong dung dịch đệm TRIS có protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiềm-kháng thể kháng thyroglobulin đơn dòng ở chuột (bò) trong dung dịch đệm TRIS có protein (bò, chuột), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Các kháng thể kháng thyroglobulin đơn dòng ở chuột được liên kết với biotin trong dung dịch đệm HEPES có protein (bò và chuột), < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Hộp 2x50test	1	Hộp	14
5	IVD kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch	Chất môi phản ứng. Hộp 3 x 230mL + 3x230mL	3	Hộp	20
6	Đầu côn dùng một lần sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Đầu côn dùng một lần sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch. Hộp 576 Tip	3	Hộp	4
7	Cóng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch.	Cóng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch. Hộp 1800 cồng	3	Hộp	10

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm theo TT 14/ 2020	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp ; dải đo: 0–171 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: DPD, bước sóng 570 nM. Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0.08 mmol/L. Hộp 4x20ml+4x20ml	3	Hộp	4
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA	- Phạm vi báo cáo: 0,1–1.000 ng/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí “sandwich” - Thành phần: R1a: Pha rắn: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng CEA MAb ở chuột, được huyền phù trong dung dịch đệm TRIS, albumin huyết thanh bò (BSA), có < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Chất pha loãng: Dung dịch đệm photphat, protein (chuột, bò) với < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Liên hợp: Kháng thể kháng CEA MAb ở chuột được liên kết với photphataza kiềm (bò), được pha loãng trong dung dịch đệm photphat, protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. Hộp 2x50test	1	Hộp	25
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	- Phạm vi phân tích: 0,008–150 ng/mL (hiệu chuẩn Hybritech) hoặc 0,008–121 ng/mL (hiệu chuẩn WHO) - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng PSA đơn dòng ở chuột được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiềm kháng PSA đơn dòng ở chuột (bò) được pha loãng trong dung dịch muối đệm photphat, có chất hoạt tính bề mặt, BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300. Hộp 2x50test	3	Hộp	10
11	Cốc đựng mẫu 2.0ml	Cốc đựng mẫu 2.0ml dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Polystyrene	3	Cái	2.000
12	Cốc đựng mẫu 0.5ml	Cốc đựng mẫu 0.5ml dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Polystyrene	3	Cái	2.000
13	Cốc đựng mẫu 3.0ml	Cốc đựng mẫu 3.0ml dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Polystyrene	3	Cái	2.000
14	Thuốc thử xét nghiệm định lượng protein	dải đo: 26 -2000 mg/L, phương pháp đo: Pyrogallol red. Hộp 4x50mL+1x5mL	3	Hộp	1
15	Thuốc thử xét nghiệm định lượng G-6-PDH	Hóa chất dùng để xác định G6-PDH. Dải đo lên đến 2131 mU/ml. Hộp 1 x100ml	3	Hộp	1

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm theo TT 14/ 2020	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6
16	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	Ethanol Dải đo: 2.40 mg/dL - 300 mg/dL, phương pháp đo: ALCOHOL DEHYDROGENASE. Hộp 1x20ml+1x7ml	3	Hộp	10
17	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Hóa chất dung dịch dùng để súc rửa trên hệ thống phân tích đông máu tự động. Thành phần 2-Methyl-4-isothiazolin-3-one hydrochloride (Methylisothiazolinone hydrochloride)< 0.005 %. Dạng Lỏng. Bình 1x4000mL	1	Bình	40
18	Thuốc thử xét nghiệm xác định thời gian Thrombin	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian Thrombin Time (TT) trên hệ thống máy đông máu tự động. Thành phần: chứa thrombin (bò) (≥15 UNIH/lọ), albumin bò và đệm. Hộp 4x2mL+1x9mL	1	Hộp	15
19	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Dạng dung dịch, không màu, mùi đặc trưng Dùng để rửa kim hút mẫu máy đông máu, tránh gây nhiễm chéo Hóa chất chưa mở nắp đạt ổn định đến hết hạn sử dụng Hóa chất mở nắp đạt ổn định trong 6 ngày đặt trên máy. Hộp (16 lọ x 15 ml)	3	Hộp	25
20	Cuvet dùng cùng máy xét nghiệm đông máu	Cóng đo mẫu 1 hộp 20 thanh, 1 thanh 29 racks, 1 racks 4 cuvet làm được 4 xét nghiệm khác nhau.	3	Thanh	200
21	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (acid)	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc chứa thành phần:- Natri clorid: 2106,76 g- Kali clorid: 52,19g- Calci clorid.2H2O: 77,19g- Acid acetic băng: 63,05 g- Glucose.H2O: 385,00 g- Magnesi clorid.6H2O: 35.58g- Nước tinh khiết vừa đủ 10 lít	3	Can	500
22	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri bicarbonat: 84,0 g - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 13959 vừa đủ: 1.000 ml. Can 10 lít	5	Can	1.200
23	Ống nghiệm lấy máu chân không K2 EDTA	Ống nghiệm chân không EDTA K2 được sản xuất từ nhựa PET với nắp cao su. Kích thước 13x75mm. Ống nghiệm đã được hút chân không	5	Ống	48.000
24	Que thử độ cứng trong nước chảy thận nhân tạo	Dùng để kiểm tra độ cứng của nước Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 10, 25, 50 và 120ppm Không sử dụng để kiểm tra nước có độ cứng > 120 ppm. Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 10 giây	6	Que	150

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm theo TT 14/ 2020	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6
25	Que thử hàm lượng Clo trong nước chạy thận nhân tạo	Để đo mức độ clo thấp (chloramines/clo tự do) trong nước cấp dùng để chạy thận và cũng cho biết nồng độ Clo (chất tẩy Clo) tồn dư trong dung dịch đã sử dụng để súc rửa đường ống sau khi khử trùng thiết bị thẩm tách máu. Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 0.1, 0.5 và 3ppm Thời gian nhúng và đọc kết quả: 30 giây	6	Que	300
26	Que thử tồn dư Peroxide trong nước chạy thận nhân tạo	Dùng để kiểm tra nồng độ của chất khử khuẩn acid peracetic/ peroxide Kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 20 giây. Không dùng que thử để kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide lớn hơn 20 ppm.	6	Que	300
27	Xylen	Xylen (C8H10) , hàm lượng $\geq 99\%$. Chai 500ml	Không phân nhóm	Chai	150
28	Giấy thử (chỉ thị hoá học) dùng cho máy tiết khuẩn dụng cụ y tế 1,5cm x 20cm	* Chỉ thị hóa học hơi nước 1250 là một dải giấy được in bằng mực chỉ thị hóa học chuyển từ trắng sang nâu sậm hoặc đen khi tiếp xúc với hơi nước trong quá trình tiết khuẩn * Chỉ thị đặt bên trong gói, cho biết liệu hơi nước có xâm nhập đến vị trí của chỉ thị, thường là trung tâm của gói hay không. * Phản ứng với hơi nước, thời gian và nhiệt độ * Kiểu đục lỗ ở giữa cho phép sử dụng toàn bộ hoặc nửa chiều dài cho kích thước gói khác nhau	3	Cái	720
29	Test thử đường huyết	Đạt tiêu chuẩn ISO15187-2013 ; ISO13485-2016 - Sử dụng men que thử GDH-FAD cộng 2 tín hiệu điện. Xác định HCT bằng tín hiệu điện xoay chiều (AC) và đo lượng Glucose bằng tín hiệu điện 1 chiều DC - Không bị ảnh hưởng bởi đường maltose, galactose, nồng độ khí Oxy - Khoảng đo: 1.1 mmol/L - 33.3mmol/l (20-600mg/dL) - Lượng mẫu máu: 1.0μL - Đối tượng sử dụng (HCT) 0-70% - Thời gian thử 5 giây	6	Test	10.000
30	Gel bôi trơn 82g	Gel bôi trơn hòa tan được trong nước dùng phổ biến trong bôi trơn âm đạo, khám phụ khoa, thực rửa âm đạo, nội soi trực tràng, đại tràng	6	Tuýp	120
	Tổng cộng: 30 mặt hàng				

GÓI THẦU SỐ 05: MUA VẬT TƯ Y TẾ*(Kèm theo Thông báo số**/TB-BV ngày**tháng 03 năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang)*

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm theo TT 14/2020	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6
1	Bộ quả lọc máu liên tục	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: Chất liệu: Màng lọc: dạng Sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer) - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn: plasticized polyvinyl chloride (PVC) - Cartridge: PETG Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc: - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 152 ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0,9m ² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240 μ m - Độ dày thành sợi lọc: 50 μ m - Tốc độ máu: 75 - 400 ml/phút - Thể tích mỗi máu (chỉ ở quả lọc): 66 ml $\pm 10\%$	1	Bộ	140
2	Catheter tạo đường truyền tĩnh mạch trung tâm từ ngoại biên	Catheter dùng để truyền thuốc, truyền dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh dưới 1kg. Đóng gói: - 01 catheter chất liệu PUR: + Cỡ 1Fr + Dài ≥ 20 cm + Tốc độ truyền dịch 0.7ml/phút + Thể tích mỗi dịch ban đầu 0.09ml - 01 kim luồn cỡ 24G	3	Cái	50

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm theo TT 14/2020	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6
3	Ống hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn các cỡ	Kích cỡ đường kính ngoài đầu gần: 6F, đường kính trong đầu xa: 0.072"; 0.068" Đường kính ngoài đầu xa: 6F. Chiều dài ≥132 cm. Có nhiều đoạn chuyển tiếp.	1	Cái	10
4	Ống thông dẫn đường can thiệp các loại	Kích cỡ 6F. Đường kính trong lớn loại 0.070" và 0.088". Chiều dài loại 0.070": 105cm; Chiều dài loại 0.088": 80cm; 90cm. Đường kính ngoài đầu gần/đầu xa 8F/8F đối với loại 0.088", đường kính đầu gần/đầu xa 6F/6F đối với loại 0.070" .	1	Cái	10
5	Phim dùng cho chụp X-quang y tế (25X30cm)	Phim khô laser cỡ 25x30 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3	1	Tờ	75.000
6	Bơm tiêm đầu xoắn sử dụng một lần 1ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml cỡ kim 25Gx1". Đốc xy lanh có thiết kế khóa vặn để khóa chặt kim (Luer lock). Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Bơm tiêm đạt khoảng chết ≤ 0,03 ml.	5	Cái/ Chiếc	8.000
7	Băng thun có keo cố định khớp 10cm x 4.5m (Băng cuộn co giãn)	Băng thun có keo cố định khớp 10cm x 4.5m	4	Cuộn	200
8	Dây dẫn can thiệp mạch thần kinh	dây dẫn can thiệp thần kinh. Chất liệu thép không gỉ, đầu xa phủ lớp ái nước, mềm, được quấn bằng sợi Platinum dài 5cm, đường kính 0.014", dài 205 cm	3	Cái	10
9	Kim điện cơ đồng tâm dùng một lần	Dài 37mm, đường kính 26G(0.46mm), diện tích ghi 0.02mm ² . Lớp phủ Silicone và siêu sắc, với thiết kế 3 đầu nhọn. Hướng diện tích ghi được chỉ thị ở cán kim bằng mã màu. Lõi vonfram cách điện.	3	Cái	500
10	Điện cực dán đo dẫn truyền	Điện cực bằng bạc/bạc clorua, diện tích tiếp xúc 20mm x 25mm, dây dài 1.0m	3	Cặp	480
11	Dây cáp điện cực kim điện cơ đồng tâm	Dây cáp sử dụng cho điện cực kim điện cơ đồng tâm. Dài 1.5m. Đầu kết nối với điện cực kim đồng tâm dạng pogo pin. Đầu kết nối với máy điện cơ dạng 5 pin DIN	3	Cái	2

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm theo TT 14/ 2020	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6
12	Túi ép dẹt dùng trong hấp tiệt trùng nhiệt độ cao 20cm x 200m	sản phẩm tiệt trùng kích thước 20cm x 200m bằng hơi nước hoặc EO gas	5	Cuộn	10
13	Túi ép dẹt dùng trong hấp tiệt trùng nhiệt độ cao 25cm x 200m	sản phẩm tiệt trùng kích thước 25cm x 200m bằng hơi nước hoặc EO gas	5	Cuộn	10
14	Túi ép dẹt dùng trong hấp tiệt trùng nhiệt độ cao 35cm x 200m	Túi ép dẹt tiệt trùng kích thước 35cm x 200m	5	Cuộn	10
15	Kim luồn tĩnh mạch các số	Kim chất liệu ETFE trong suốt nhìn được dòng máu trong lòng kim, nòng nhựa trong, không bị gãy gập, có độ vát sắc, gọn, thuận lợi cho việc chọc tĩnh mạch cũng như chọc động mạch, chuỗi kim dài dễ dàng và thuận lợi khi thao tác. Kim sắc số 16G x 1.77", 18G x 1.16", 18G x 1.88", 20G x 1.16", 22G x 1", 24G x 3/4". Tiêu chuẩn chất lượng ISO, tiêu chuẩn Châu Âu CE.	6	Cái	30.000
16	Bộ dây truyền dịch sử dụng một lần kim cánh bướm	Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8.5\text{ml}$. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn $\geq 1500\text{mm}$.	3	Bộ	120.000
17	Mặt nạ xông khí dung	Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn chính có chiều dài 2 m. Mask nối liền với túi và dây. Đạt tiêu chuẩn ISO	5	Cái/Bộ	1.800
18	Bơm cho ăn 50ml	Bơm tiêm nhựa 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.	5	Cái/Chiếc	8.000
19	Bơm tiêm 50ml	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số	3	Cái/Chiếc	8.000
20	Bơm tiêm 3ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 3 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.	3	Cái/Chiếc	2.000

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm theo TT 14/2020	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6
21	Dao chọc tiền phòng 15 độ	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ. Dao thẳng, góc 15 độ, cạnh mài ngang, hai mặt vát. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	1	Cái	200
22	Dao mổ Phaco 2,8mm	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ. Kích thước lưỡi dao ngang: 2.8mm, cạnh mài ngang, hai mặt vát, gập góc. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	1	Cái	200
23	Thủy tinh thể nhân tạo mềm	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, 1 mảnh nguyên khối cùng chất liệu Acrylic ngâm nước $\geq 26\%$. Màu vàng lọc ánh sáng xanh- Thiết kế phi cầu mặt trước. - Vòng ngăn tế bào đục bao sau 360° mặt sau kính.- Lọc tia UV. Góc càng 0°. Càng chữ C.- Đường kính optic 6.0mm, chiều dài kính 12.5mm. - Hằng số A =118.4. Độ sâu tiền phòng ACD : 5.37- Chỉ số ABBE: 56.- Chỉ số khúc xạ n= 1.46- Dây diop từ -20 D đến +60 D. - Kèm cartridge và súng qua Vết mổ nhỏ 1.8mm đến 2.2 mm.	1	Cái	200
24	Chất nhầy nhãn khoa	Dịch nhầy phẫu thuật Hydroxy Propyl Methyl Cellulose (HPMC) 2,0% w/v - Độ nhớt 4500-9500 mPas - pH =6.8-7.6 - Dịch nhầy được đóng gói sẵn trong xi lanh (PFS) 2,0ml - Kim hơi chuyên dùng kích thước 23G x 7/8” (0.64 x 22 mm)	4	Ống	200
25	Chất nhuộm bao dùng trong phẫu thuật mắt	- Đóng gói: Dung dịch Trypan Blue 0,06% w/v 1,0ml trong lọ thủy tinh vô khuẩn - Dung dịch nhãn khoa Trypan Blue 0,06% w/v cho phẫu thuật nhãn khoa và Cataract - Bio Blue được sử dụng như một chất nhuộm màu cho thủ thuật xé bao trong quá trình phẫu thuật Cataract	4	Lọ	10
26	Dao phẫu thuật mổ mộng	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ. Kích thước lưỡi dao ngang: 3.0mm cạnh mài ngang, hai mặt vát, gập góc. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	1	Cái	100
27	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamid số 4/0	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide 4/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ ≥ 75 cm, kim làm từ thép không gỉ.	1	Sợi	380

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm theo TT 14/2020	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6
28	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1, dài ≥ 90 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn, dài ≥ 40 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO	1	Sợi	4.000
29	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910 số 4/0, dài ≥ 70 cm, kim tròn phủ silicon 1/2 vòng tròn dài ≥ 17 mm, kim phủ silicone. Đạt tiêu chuẩn ISO.	1	Sợi	1.440
30	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 5/0	Chỉ khâu tan tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamid số 5/0 dài ≥ 75 cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài ≥ 16 mm. Kim phủ silicone. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	1	Sợi	520
31	Chỉ khâu liền kim Polyglactin 910 số 6/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910 số 6/0, dài ≥ 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài ≥ 13 mm, kim phủ silicone. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	1	Sợi	164
32	Chỉ vi phẫu thuật Polypropylene số 10/0	Chỉ khâu mắt sợi đơn Polypropylen 10-0 màu xanh, dài ≥ 20 cm. Hai kim thẳng tiết diện hình thang chiều dài ≥ 16 mm, đường kính 0,14mm. Kim làm bằng thép cứng bó sợi, mũi kim mài theo công nghệ cạnh mài ngang (Crosslapped Edge). Tiêu chuẩn ISO 13485, CE	1	Sợi	108
33	Nút cao su đầu trocar 6mm	Nút cao su đầu trocar 6mm.	6	Cái/chiếc	6
34	Nắp cao su đầu trocar 11 mm	Nút cao su đầu trocar 11mm	6	Cái/chiếc	6
35	Bộ dây dẫn máu chạy thận nhân tạo	Bộ dây dẫn máu chạy thận nhân tạo (đường kính trong 8 x đường kính ngoài 12 x chiều dài 420 mm), dây tĩnh mạch, túi xả 2.000 ml, dây truyền dịch, 2 Transducer protectors	6	Bộ	300
36	Dây dẫn dịch bù trong chạy thận nhân tạo	Dây dẫn dịch bù trong chạy thận nhân tạo. Một bộ gồm 1 đầu nối luer, van 1 chiều, tiệt trùng bằng tia ETO	6	Bộ	300
37	Dung dịch làm sạch và khử trùng quả lọc thận nhân tạo	Thành phần dung dịch chứa: Peracetic acid; Hydrogen Peroxide:	6	Can	15
38	Ống thông chẩn đoán mạch quay đa năng	- Kích thước: cỡ 5F, dài ≥ 100 cm - Cấu trúc: giữa là lớp đan kép, trong và ngoài bằng chất liệu Polyamide hoặc tương đương Cỡ 5F có lòng rộng 1.20mm Áp lực tối đa cỡ 5F 1200spi	1	Cái	200

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm theo TT 14/2020	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6
39	Dụng cụ mở đường vào động mạch	Kích thước: Cỡ 4F, 5F, 6F, 7F dài $\geq 10\text{cm}$ Cấu tạo: Bao gồm các thành phần sau: . Kim luồn chọc mạch cỡ 18G . Wire nhựa nhỏ cỡ 0.03 inch x 45cm . Bơm tiêm 2.5ml . Ống mở đường . Que nong Thành ống mở đường làm bằng chất liệu ETFE hoặc tương đương	1	Bộ	50
40	Bóng nong động mạch vành	Bóng áp lực thường, được làm từ Polyamide hoặc tương đương Đầu xa: chất liệu Polyamide, phủ lớp ái nước, đường kính trục 0.93mm Đầu gần: chất liệu thép không gỉ phủ lớp PTFE, đường kính trục 0.63mm Catheter sử dụng có chiều dài 138cm. Khoảng cách từ lỗ luồn dây tới bóng: 27cm Khẩu kính thâm nhập: 0.017" (0.43mm) Được đánh dấu bằng 2 marker platinum-iridium để định vị. Áp lực thường: 8bar Áp lực nổ bóng: 15-19bar Bóng có các đường kính từ: $\leq 1.5\text{mm}$ đến $\geq 4\text{mm}$ Chiều dài từ : $\leq 10\text{mm}$ đến $\geq 40\text{mm}$. Tiêu chuẩn: ISO, CE.	3	Cái	20
41	Áo choàng phẫu thuật	Áo phẫu thuật gia cố thân size L	5	Cái	800
42	Bộ sẵn (khăn) chụp mạch vành 3 lỗ	Bộ khăn chụp mạch vành 3 lỗ, bao gồm: Bộ chụp mạch vành 01 cái. Tấm phủ đa dụng: 01 cái. Khăn trải bàn dụng cụ 01 cái. Bao chụp đầu đèn 01 cái. Bao kính chắn chì 01 cái. Bao đựng Remote 01 cái. Khăn thấm 04 cái. Tấm phủ chắn chì 01 cái	5	Bộ	400

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm theo TT 14/ 2020	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6
43	Dây nối áp lực cao dùng cho y tế	Dây nối áp lực cao dùng cho y tế. Chịu áp lực tối đa: 1200 psi. Đường kính trong: 1.8 mm. Sản phẩm gồm các loại (tùy chọn): Chiều dài 25 – 250 cm tùy thuộc vào mã sản phẩm. Dây được làm từ vật liệu PU cao cấp có bền xoắn Hai đầu dây là khóa luer đực dạng xoay và khóa luer cái dạng cố định. Tiêu chuẩn ISO, GMP-FDA hoặc tương đương	5	Cái	100
44	Ống thông can thiệp	1. Thông số kỹ thuậtKích thước: Có các cỡ 5 - 8 Fr. Chiều dài 90 - 100cm.- Lớp áo ngoài bằng chất liệu Vest-Tech Nylon hoặc tương đương- Kỹ thuật đan lưới lòng ống Full Wall hoặc tương đương- Hơn 230 loại đầu cong, trong đó bao gồm: EBU, RBU, IMA, SAL, SL,AL... 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	1	Cái	30
45	Khung giá đỡ động mạch vành	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus hoặc tương đương - Mật độ phủ thuốc $\leq 1.25 \mu\text{g}/\text{mm}^2$. - Độ dày lớp phủ thuốc $\leq 2 \mu\text{m}$ - Độ dày thanh chống $\leq 73 \mu\text{m}$ - Khẩu kính qua tổn thương $\leq 0.90\text{mm}$ - Áp lực thường (NP) $\geq 8 \text{ atm}$, áp lực nở (RBP): $\geq 14\text{atm}$ - Đường kính tối thiểu: từ ≤ 2.25 đến $\geq 5.0\text{mm}$ - Độ dài tối thiểu từ ≤ 8 đến $\geq 40\text{mm}$	3	Cái	30
46	Bộ bơm bóng có kết nối chữ y	Bộ bơm bóng áp lực cao bao gồm: Bơm, van cầm máu, khóa ba chạc chịu áp lực 1200 psi; kim nông, dây nối ngắn, torque. Áp suất được kiểm soát dễ dàng nhờ đồng hồ đo áp suất và dây nối áp lực cao Dung tích: 20ml Áp lực: 30atm, 40atm Khóa chữ Y có 3 loại Push-pull; Push-click; Tuohy Borst	3	Cái	30

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm theo TT 14/ 2020	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6
47	Bóng nong mạch vành	* Đường kính đầu bóng siêu nhỏ chỉ 0.016" (ứng với tất cả các đường kính). Phần đầu bóng có cấu trúc đa lớp Sibstar –Polyamide resin – Sibstar. * Bóng áp lực thường có đường kính đoạn xa chỉ 2.3Fr hoặc 2.5Fr; đoạn gần chỉ 1.8Fr hoặc 2.0Fr * Chất liệu bóng làm bằng Polyamide resin * Thân bóng đoạn sát tay cầm có cấu tạo PTFE Coated Hypo Tube, được phủ chất liệu PTFE (Polytetrafluoroethylene) để giảm ma sát với mặt trong lòng catheter trợ giúp can thiệp. * Bóng có kích thước từ 2.25 hoặc lớn hơn có cấu trúc Tri-wrap (3 nếp gấp). Bóng có kích thước từ 2.0 và nhỏ hơn có cấu trúc S-wrap (2 nếp gấp) * Chiều dài trục catheter đẩy bóng: ≥ 1460 mm * Áp lực thường: 6atm, áp lực tối đa: 14atm. * Đường kính tối đa của dây dẫn tương thích là 0.014" * Kích thước bóng: - Đường kính: 1-4mm - Chiều dài: 6 - 30mm * Tiệt trùng: Oxide Ethylene * Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, EC	1	Cái	10
48	Bóng nong động mạch vành không phủ thuốc	- Chiều dài catheter: ≤ 1410 mm- Bóng áp lực cao có đoạn xa chỉ 2.6Fr, đoạn gần chỉ 2.0F- Khoảng cách từ bóng tới lỗ luồn dây dài ≤ 260mm - Có 2 điểm đánh dấu cân quang để định vị quả bóng - Đường kính bóng: tối thiểu ≤ 1.5mm đến ≥ 5mm - Chiều dài bóng: tối thiểu từ ≤ 8mm đến ≥ 45mm	3	Cái	30
49	Bộ dụng cụ hút huyết khối động mạch vành lòng hút lớn	- Chiều dài ống hút ≥ 145cm. Có hai kích cỡ 6F và 7F. - Loại 6F: kích thước đầu gần: 0.95 mm², kích thước đầu xa: 0.97 mm² - Loại 7F: kích thước đầu gần: 1.54 mm², kích thước đầu xa: 1.54 mm² - Ống cứng dài ≥ 127cm, đường kính nhỏ 0,35mm có thể đi tới đoạn xa của động mạch vành - Khoảng cách đầu tip đến lỗ luồn dây ≤ 25cm. 1 Marker định vị cách đầu tip 3mm. - Một bộ hút huyết khối bao gồm: 1 thân ống hút, 1 ống bơm, 2 bộ lọc 40µm, 1 dây nối có 1 đầu khóa 2 chạc, 1 kim chọc.	3	Cái	5

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm theo TT 14/2020	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6
50	Stent động mạch cảnh	Stent đặt cho hẹp động mạch cảnh Đầy đủ size cỡ 6-10mm	1	Cái	3
51	Dụng cụ bảo vệ mạch ngoại biên	Dụng cụ bảo vệ ngoại vi trong can thiệp động mạch cảnh Đầy đủ size cỡ	1	Cái	3
52	Stent tự nở bằng Nitinol	Khung giá đỡ ngoại vi được thiết kế dạng ô mở bằng niken titan (nitinol), dạng mở. Ø4 – 7mm: 15 zíc zắc và 3 kết nối, Ø8mm: 16 zíc zắc và 4 kết nối, Ø9 – 12mm: 12 zíc zắc và 4 kết nối Độ dày thanh chống mỏng nhất: ≤ 205µm (với dk 5 – 7mm), ≤ 220µm (với dk 8-12mm) Được định vị 3/4 marker Tantal ở 2 đầu xa và gần Có 2 hệ thống Catheter ≥ 85cm và ≥ 35cm. Đường kính tối thiểu 5-12mm, chiều dài tối thiểu 20-200mm	3	Cái	3
53	Bóng nong động mạch ngoại biên trên dây 0.018" và 0.035"	Công nghệ trục Lumen kép. Chất liệu polyamide hoặc tương đương. Bóng trên dây 0.018": Có 2 hệ thống chiều dài catheter: ≥ 85cm và ≥ 150cm. Áp suất thường: 8bar Áp suất nổ bóng: 11-19bar Bóng có các đường kính : 2-7mm và có chiều dài từ 20-150mm. Bóng trên dây 0.035". Chiều dài catheter: ≥ 85cm và ≥ 135cm. Khẩu kính thâm nhập: 1.02mm. Dây dẫn tương thích lớn nhất: 0.035" Áp suất nổ bóng: 9-14bar Bóng có các đường kính: 4- 12mm và có chiều dài từ 20-200mm.	3	Cái	10
54	Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng	• Khả năng lưu EGM lên đến 24 giây/ 4 cơn • Tự động tạo nhịp, nhận cảm và theo dõi điện cực • Cho phép lập trình biên độ tạo nhịp 1.5x; 2x; 2.5x; 3x; 4x • Tương thích MRI 1,5T và 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân • Tần số hoạt động ở chế độ nam châm 85 chu kỳ/ phút • Trở kháng dây dẫn được ghi lại ≥ 14 tháng	2	Bộ	5

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm theo TT 14/ 2020	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6
55	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số DDDR	• Tạo nhịp tim, 2 buồng có đáp ứng nhịp • Cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp • Biểu đồ ngưỡng tạo nhịp và trở kháng dây dẫn ≥ 14 tháng • Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin ≤ 85 chu kỳ/ phút • SureScan: cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân.	2	Bộ	3
56	Dây dẫn đường cho bóng và stent	Cấu tạo: Cấu tạo nhiều đoạn khác nhau phủ lớp áo nước M Coat, có đoạn phủ Silicone, có đoạn phủ PTFE, các đoạn nối với nhau bằng công nghệ nối đồng trục Kích thước: đường kính 0.014 inch và dài 180cm Vật liệu: cấu tạo nhiều phần lõi làm bằng Nickel-Titanium, lớp cuộn bên ngoài là Platinum ở đoạn xa, Stainless Steel ở đoạn gần. Đầu dây dẫn rất mềm mại. Tiệt trùng: Oxide Ethylene.	1	Cái	100
57	Dây hút nhót	Dây hút nhót kiểm soát các số: 6 - 8 - 10 - 12 - 14 - 16. Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài ≥ 500 mm. Một đầu dây được gắn với khóa van điều chỉnh, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10 mm, 20mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.	5	Cái/Sợi	10.000
58	Dây truyền máu	Dây dài ≥ 1500 mm hoặc điều chỉnh theo yêu cầu, làm từ chất liệu PVC y tế không chứa DEHP, không gây sốt, không độc hại, tiệt trùng bằng khí EO. Kim sắc, các cỡ. Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc 200 μ m, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml.	5	Cái/bộ	7.000
59	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp cỡ 100mm x 70m	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiệt khuẩn được thiết kế giúp duy trì tính vô khuẩn của dụng cụ sau khi tiệt khuẩn. Có chỉ thị hóa học sau khi tiếp xúc với H₂O₂ sẽ chuyển màu Rộng 100mm, dài 70m	1	Cuộn	25
60	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp cỡ 150mm x 70m	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiệt khuẩn được thiết kế giúp duy trì tính vô khuẩn của dụng cụ sau khi tiệt khuẩn. Có chỉ thị hóa học sau khi tiếp xúc với H₂O₂ sẽ chuyển màu Rộng 150mm, dài 70m	1	Cuộn	15

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm theo TT 14/2020	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6
61	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp cỡ 200mm x 70m	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiệt khuẩn được thiết kế giúp duy trì tính vô khuẩn của dụng cụ sau khi tiệt khuẩn. Có chỉ thị hóa học sau khi tiếp xúc với H ₂ O ₂ sẽ chuyển màu Rộng 200mm, dài 70m	1	Cuộn	15
62	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp cỡ 350mm x 70m	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiệt khuẩn được thiết kế giúp duy trì tính vô khuẩn của dụng cụ sau khi tiệt khuẩn. Có chỉ thị hóa học sau khi tiếp xúc với H ₂ O ₂ sẽ chuyển màu Rộng 350mm, dài 70m	1	Cuộn	15
63	Gạc hút y tế khổ 1,2m	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao.	5	Mét	10.000
64	Kim chích máu	Kim chích máu	6	Cái	10.000
65	Ống thông dạ dày	Ống thông và đầu nối được làm từ nhựa PVC y tế. Đầu nối và nắp bảo vệ được thiết kế tương thích, giúp kết nối chắc chắn và nhanh chóng. Màu trắng tự nhiên, dễ dàng quan sát bên trong.	6	Cái	6.000
66	Dây garo	Kết hợp sợi poly, sợi cao su lưu hóa, và sợi cotton	5	Cái	300
67	Băng cuộn 10cmx5m	Kích thước: 10cm x 5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton	5	Cuộn	10.000
68	Tay dao mổ điện	Tay dao mổ điện 3 chân cầm vô khuẩn dùng 1 lần.	6	Cái	1.200
69	Lưỡi dao mổ vô trùng các số	Dao sắc. Chất liệu thép các bon, tiệt trùng, các số 10, 11, 12 ,15, 20, 21, 22	6	Cái	7.000
70	Miếng cầm máu mũi có chỉ nhỏ 8cm x 1,5cm x 2cm	Miếng cầm máu mũi. Chiều dài: 8cm; Độ dày: 1,5cm; Chiều cao: 2cm. Mô tả: loại chỉ nhỏ.	3	Miếng	800

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm theo TT 14/2020	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6
71	Gạc ép sọ não 4cm x 5cm	Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, mềm, mịn, có màu trắng đồng nhất. Không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.	5	Miếng	2.000
72	Kim quang dẫn laser nội mạch	Kim quang dẫn laser nội mạch. Dùng trong điều trị laser nội mạch. Đóng gói và tiệt trùng từng cây.	6	Cái	1.400
73	Bơm tiêm màu	- Bơm tiêm thuốc cân quang dung tích: 1, 10, 20ml - Chất liệu polycarbonate - Thân ống trong suốt giúp dễ dàng quan sát dòng chảy và bọt khí bên trong - Pittong thiết kế 6 màu sắc khác nhau.	3	Cái	200
74	Chỉ lạnh	Chỉ phẫu thuật không tiêu, size 80, chiều dài: 360m. Trọng lượng mỗi cuộn: 20g	6	Cuộn	30
	Tổng cộng: 74 mặt hàng				